TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/ HNGĐ - ST
Ngày 31 - 5 - 2022
"Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: bà Tô Thị Thịnh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Bẩy
2. Ông Trần Văn Nam.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Hoàng Mạnh Hùng – Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 70/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị C. Nơi ĐKHKTT: đội 10, khu G, phường K, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Tạm trú: thôn X, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn: anh Lê Thanh T. Địa chỉ: đội 10, khu G, phường K, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (anh T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị C và anh Lê Thanh T tự nguyện kết hôn tại UBND phường K, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh vào năm 2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống tại đội 10, khu G, phường K, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc cho đến năm 2016 vợ chồng phát mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xảy ra cãi mắng, chửi bới, xúc phạm nhau. Vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, khi ly thân mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chăm sóc nhau. Mâu thuẫn vợ chồng chị cũng được gia đình hai bên động viên hòa giải nhưng không có kết quả. Nay, chị C xác định tình cảm vợ chồng

không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, chị C đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Thanh T.

- Về con chung: quá trình chung sống giữa chị C và anh T có 02 con chung tên là Lê Hoàng B, sinh ngày 09/7/2009 và Lê Tuấn D, sinh ngày 24/5/2012. Khi ly hôn chị C nhận nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con.

Chị C trình bày, hiện nay chị đang làm công nhân tại xưởng gạch ép xỉ của bà Đoàn Thị D, tại thôn Đ, xã B, thị xã Đ, thu nhập trung bình 10.000.000đ/ 1 tháng. Đủ điều kiện, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị C xác định vợ chồng chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai, tại đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Thanh T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2008, anh và chị Nguyễn Thị C tự nguyên kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng anh về sống tại đội 10, khu G, phường K, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cãi vã, chửi bới, xúc phạm nhau. Vợ chồng anh sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay; khi ly thân mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chăm sóc nhau. Mâu thuẫn vợ chồng anh đã được gia đình hai bên động viên hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị Nguyễn Thị C đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh, quan điểm của anh là đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc.

- Về con chung: Quá trình chung sống giữa anh T và chị C có 02 con chung tên là Lê Hoàng B, sinh ngày 09/7/2009 và Lê Tuấn D, sinh ngày 24/5/2012. Nếu phải ly hôn, anh đồng ý để chị C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi trưởng thành, anh không phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: anh T xác định vợ chồng anh không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án tiến hành lấy lời khai của các con trên bảy tuổi của chị Chi và anh Tùng là cháu Lê Hoàng B và cháu Lê Tuấn D. Khi được hỏi ý kiến, các cháu đều trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn, các cháu có nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

* Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương, đại diện UBND phường K, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh cho biết: chị Nguyễn Thị C và anh Lê Thanh T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, thị xã Đ vào ngày 30/10/2008. Sau khi kết hôn hai người về chung sống tại đội 10, khu G, phường K, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể địa phương không nắm được do chị C và anh T không yêu cầu địa phương hòa giải. Về con chung: giữa chị C và anh T có 02 người con chung là Lê Hoàng B, sinh ngày 09/7/2009 và Lê Tuấn D, sinh ngày 24/5/2012, hiện nay các con chung đang ở cùng chị C tại thôn X, xã B, thị xã Đ. Về tài sản chung và nợ chung của

chị C và anh T: địa phương không nắm được. Nay, chị C đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T và được nuôi dưỡng hai con chung, quan điểm của địa phương: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, giải quyết cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Lê Thanh T; giao 02 con chung là Lê Hoàng B, sinh ngày 09/7/2009 và Lê Tuấn D, sinh ngày 24/5/2012 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: thủ tục thụ lý, thẩm quyền giải quyết đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị C và việc tiến hành các thủ tục tố tụng khác, Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị C và anh Lê Thanh T tự nguyện về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, giữa chị C và anh T có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã, chửi bới, xúc phạm nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, cả hai không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị C đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh T đồng ý vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc.

Xét thấy: giữa chị C và anh T có mâu thuẫn, cả hai có bất đồng quan điểm sống, hiện nay đã sống ly thân, hai người không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau. Mặt khác, anh Tùng cũng đồng ý ly hôn theo đơn khởi kiện của chị C.

Từ đó xác định: Mâu thuẫn giữa chị C và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị C được ly hôn anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung:

Chị Nguyễn Thị C và anh Lê Thanh T có hai con chung là cháu Lê Hoàng B, sinh ngày 09/7/2009 và Lê Tuấn D, sinh ngày 24/5/2012. Nay ly hôn chị C nhận nuôi cả hai con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con. Khi được hỏi ý kiến của các con chung trên bảy tuổi, các cháu đều có nguyện

vọng ở với chị C. Mặt khác, trong các bản tự khai; đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đơn xin xét xử vắng mặt, anh T cũng đồng ý để chị C được quyền nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi trưởng thành. Do đó, cần giao cho chị C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi trưởng thành, anh T không phải cấp dưỡng cho con là phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chưa thành niên, nếu xét thấy người trực tiếp nuôi con không đủ điều kiện hoặc lợi ích của con chưa thành niên không được đảm bảo thì căn cứ Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, các đương sự hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị C là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Lê Thanh T.

2. Về con chung: chị Nguyễn Thị C có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con tên là Lê Hoàng B, sinh ngày 09/7/2009 và Lê Tuấn D, sinh ngày 24/5/2012 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Lê Thanh T không phải cấp dưỡng cho con.

Anh Lê Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Chị Nguyễn Thị C cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Lê Thanh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0009315 ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều. Chị C đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

***Nơi nhận*:**
- Viện KSND thị xã Đông Triều;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS thị xã Đông Triều;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH (UBND phường Kim Sơn);
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Tô Thị Thịnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bẩy **Trần Văn Nam** **Tô Thị Thịnh**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Xuân Giới **Lương Xuân Sớm** **Tô Thị Thịnh**